

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 162/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19-6-2023

*“v/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chát

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thà và bà Ngô Thị Thom

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:** Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 104/TLST-HNGĐ ngày 20/3/2023 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị D, sinh năm 1986; nơi cư trú: Xóm T, thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Người được chị D ủy quyền về việc giao nhận, các văn bản tố tụng của Tòa án: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1993; địa chỉ: Số A V, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn B, xóm Đ, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị D trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn M kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 25/11/2013. Sau khi kết hôn, anh chị thuê nhà trọ và sinh sống ở thành phố Hải Dương được khoảng 2 năm. Năm 2015, vợ chồng chị chuyển về ở cùng bố mẹ đẻ tại xóm T, thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Quá trình chung sống, chị và anh M thường xuyên

xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh M không chịu khó làm ăn mà ham chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần. Chị nhiều lần phải đứng ra trả nợ cho anh M. Tháng 11/2020, anh M đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Lúc mới đi, anh M thường xuyên gọi điện về nhà nhưng mỗi lần gọi về anh chị lại cãi nhau qua nhau điện thoại nên từ đó anh chị ít liên lạc với nhau hơn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn Thái B, sinh ngày 07/4/2015, hiện đang ở cùng chị. Sau khi ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị không có nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Nguyễn Văn M trình bày: Anh xác định về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị D trình bày là đúng. Tháng 11/2020, anh đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Cuối tháng 5/2023, anh đã về Việt Nam. Các văn bản Tòa án giao cho anh, anh đã được người thân thông tin cho anh biết. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị D xin ly hôn thì anh đồng ý. Về con chung: Anh đề nghị Tòa án giao con chung là Nguyễn Thái B, sinh ngày 07/4/2015 cho chị D nuôi dưỡng. Chị D tự nguyện không yêu cầu anh cấp dưỡng tiền nuôi con, anh nhất trí. Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do điều kiện công việc bận, không thể đến Tòa án làm việc được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị D ly hôn anh Nguyễn Văn M. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thái B, sinh ngày 07/4/2015 cho chị Lê Thị D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi con. Về án phí: Chị D phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, anh Nguyễn Văn M đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Tháng 5/2023, anh M đã về Việt Nam và đang sinh sống tại thôn 7, xóm Đ, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt, có đơn và quan điểm xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị D và anh Nguyễn Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 25/11/2013 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị D và anh M đã xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị D trình bày là do anh M không chịu khó làm ăn, thường hay chơi bời cờ bạc, dẫn đến nợ nần. Năm 2020 anh M đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu, anh chị vẫn liên lạc với nhau qua điện thoại, nhưng mỗi lần nói chuyện lại cãi nhau nên đến sau đó anh chị ít liên lạc với nhau hơn. Nay chị D và anh M đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị D có đơn xin ly hôn, anh M đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị D và anh M đã trầm trọng, vợ chồng không còn liên lạc, không quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị D được ly hôn anh M là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị D và anh Nguyễn Văn M có 01 con chung là Nguyễn Thái B, sinh ngày 07/4/2015. Khi ly hôn, chị D và anh M đều có quan điểm giao cháu B cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy hiện cháu B đang ở với mẹ, được học tập và phát triển tốt và cháu B cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ. Do vậy, cần tiếp tục giao cháu B cho chị D nuôi dưỡng đến khi cháu B thành niên (tròn 18 tuổi) là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị D về các vấn đề sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị D ly hôn anh Nguyễn Văn M.

1.2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Lê Thị D được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Thái B, sinh ngày 07/4/2015 kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Lê Thị D phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số AA/2021/0004000 ngày 17 tháng 3 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị D đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị D, anh Nguyễn Văn M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
- UBND xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chất

